

Châu Thành, ngày 03 tháng 01 năm 2023

Số: 04/2023/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 581/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Trần Duy B**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã Th, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Chị **Huỳnh Thị Cẩm V**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Duy B và chị Huỳnh Thị Cẩm V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn trong quá trình sống chung hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Nay anh B, chị V cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hôn nhân chị V và anh B mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: có 02 con chung tên Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 26/02/2016 và Trần Xuân P, sinh ngày 22/08/2019. Hai bên thỏa thuận, anh B được nuôi con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không nên không xét đến.

[5] Lệ phí: anh B tự nguyện chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng)

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trần Duy B và chị Huỳnh Thị Cẩm V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: anh B được tiếp tục nuôi các con chung tên Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 26/02/2016 và Trần Xuân P, sinh ngày 22/08/2019. Chị V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị V được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Tuy nhiên, vì quyền và lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

- Về nợ chung: hai bên khai không nên không xét đến.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Trần Duy B tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010703 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh Trần Duy B đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Thạch (Số ĐKKH 04/2016);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu